TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 01 năm 2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mấy và ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản C, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lữ Văn B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản C, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Đ, cháu L và cháu V, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2025, bản tự khai ngày 13/11/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày:

Bà và anh Lữ Văn B kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2010 tại xã P, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó được mọi người khuyên can hoà

giải vợ chồng lại về chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến khoảng tháng 10 năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và hôn nhân. Sau nhiều lần mâu thuẫn xảy ra, đã được hai bên gia đình khuyên can hoà giải nhưng không thành, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho tới nay, không quan tâm gì tới nhau.

Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị Phạm Thị Đ trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Lữ Thị Diệu L, sinh ngày 24/3/2012 và Lữ Đức V, sinh ngày 21/11/2013. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2025, bị đơn anh Lữ Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa) năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do áp lực về kinh tế, vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã. Đến tháng 10/2025 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hoá. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị Đ làm đơn ly hôn, quan điểm của anh B là không đồng ý vì anh cho rằng mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng rất nhỏ nhặt và có thể đoàn tụ gia đình.

- *Về con chung:* Anh B xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lữ Thị Diệu L, sinh ngày 24/3/2012 và Lữ Đức V, sinh ngày 21/11/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị Đ tại xã Thiết Ống, tỉnh Thanh Hoá. Trong trường hợp vợ chồng không thể hoà giải mà phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu L và cháu V. Anh và chị Đ sẽ tự thoả thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh B xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ giao nộp tài liệu là bản cam kết ghi tên anh Lữ Văn B có xác nhận của đại diện thôn bản, cùng Biên bản làm việc của Công an xã X, tỉnh Thanh Hoá, ghi nhận sự việc hồi 22 giờ ngày 24/10/2025 anh B vì ghen vợ nên đã có hành vi chửi bới, cầm đồ đạc trong nhà ném ra ngoài sân và hành hung vợ. Ngoài ra chị Đ còn giao nộp Hợp đồng lao động thể hiện chị có thu nhập,

có khả năng tự nuôi con. Đối với anh B không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Toà án đã tổ chức 02 lần hoà giải nhưng anh Lữ Văn B không đến nên không tiến hành hoà giải được.

Tại bản trình bày nguyện vọng của con là Lữ Thị Diệu L và Lữ Đức V cũng như tại phiên toà, các cháu đều thể hiện: Trường hợp bố mẹ phải ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lữ Văn B.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

- *Về hôn nhân*: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Lữ Văn B.

- *Về con chung*: Đề nghị giao 02 con chung là Lữ Thị Diệu L, sinh ngày 24/3/2012 và Lữ Đức V, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lữ Văn B là bị đơn có nơi cư trú tại xã X, tỉnh Thanh Hóa nên việc Toà án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Anh B đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ba theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Lữ Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Ba còn có biểu hiện của bạo lực gia đình. Vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài và không quan tâm gì đến nhau.

Mặc dù anh Ba không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để níu kéo hôn nhân. Tại phiên toà chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn anh Ba.

HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ và anh Ba đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Đ, xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Lữ Văn B.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Lữ Văn B có 02 con chung là Lữ Thị Diệu L, sinh ngày 24/3/2012 và Lữ Đức V, sinh ngày 21/11/2013.

Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay, chị Đ vẫn là người trực tiếp nuôi con, tất cả các sinh hoạt và học tập của con đều do chị Đ tự lo, anh Ba không có đóng góp gì để nuôi con. Các cháu Lữ Thị Diệu L và Lữ Đức V đã đủ 7 tuổi, có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Xét thấy chị Đ đủ khả năng nuôi con, do đó để đảm bảo cho các con có cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu L và cháu V cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Đ không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của chị Đ, nên không buộc anh Ba phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Các bên đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Lữ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lữ Thị Diệu L, sinh ngày 24/3/2012 và Lữ Đức V, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu số BLTU/25E/0002815 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (*Ghi nhận chị Đ đã nộp đủ án phí*).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 13 – Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND xã X, Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng